

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGÀNH CHẾ TẠO THIẾT BỊ PHỤC VỤ NGÀNH CÔNG NGHIỆP NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO CHO KHU VỰC VEN BIỂN, HẢI ĐẢO VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

CURRENT STATUS AND SOLUTIONS FOR DEVELOPING THE EQUIPMENT MANUFACTURING INDUSTRY SERVING THE RENEWABLE ENERGY INDUSTRY FOR COASTAL AND ISLAND AREAS OF VIETNAM UNTIL 2030, WITH A VISION TO 2045

Vũ Văn Khoa, Vũ Trung Tuyển*, Đinh Viết Hải
Viện Nghiên cứu Cơ khí

TÓM TẮT

Bài báo giới thiệu kết quả điều tra, khảo sát, tổng hợp tình hình phát triển ngành công nghiệp năng lượng tái tạo tại Việt Nam nói chung và vùng ven biển, hải đảo Việt Nam nói riêng, qua đó nhận định về nhu cầu phát triển ngành công nghiệp năng lượng tái tạo, đáp ứng quy hoạch phát triển năng lượng quốc gia và chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Bài báo cũng trình bày kết quả khảo sát thực trạng, nhu cầu ngành chế tạo thiết bị phục vụ ngành công nghiệp năng lượng tái tạo, từ đó đề xuất các giải pháp phát triển ngành chế tạo thiết bị phục vụ ngành công nghiệp năng lượng tái tạo cho khu vực ven biển, hải đảo Việt Nam.

Từ khóa: Chế tạo thiết bị; Năng lượng tái tạo.

ABSTRACT

The article introduces the results of the investigation, survey, and synthesis of the development situation of the renewable energy industry in Vietnam in general and in coastal and island areas of Vietnam in particular, thereby assessing the need to develop the renewable energy industry, meeting the national energy development plan and the strategy for sustainable development of Vietnam's marine economy to 2030, with a vision to 2045. The article also presents the results of the survey of the current situation and needs of the equipment manufacturing industry serving the renewable energy industry, thereby proposing solutions to develop the equipment manufacturing industry serving the renewable energy industry for coastal and island areas of Vietnam.

Keywords: Equipment manufacturing; Renewable energy.



1. MỞ ĐẦU

Trong khi nhu cầu về điện năng ngày càng tăng cao, việc sản xuất điện năng truyền thống từ nguồn nhiên liệu hóa thạch (than đá, dầu,...) ngày càng bị hạn chế do các tác động xấu của dạng nhiên liệu này khi đốt tới môi trường, tới sức khỏe con người; do nguồn cung cấp dần cạn kiệt, do đó việc sản xuất điện năng từ các nguồn năng lượng tái tạo (NLTT) là rất cần thiết, đang là xu thế tất yếu trong sự phát triển năng lượng mới (sạch) toàn cầu. Với các văn bản đã ban hành, Chính phủ đã thể hiện quyết tâm theo đuổi và phát triển ngành công nghiệp NLTT có tính hội nhập sâu rộng với thế giới.

Muốn phát triển được tốt, bền vững ngành công nghiệp NLTT, song song chúng ta cần phải phát triển mạnh ngành chế tạo thiết bị trong nước nhằm nâng cao tỷ trọng nội địa hóa, chủ động trong cung cấp vật tư, thiết bị. Qua việc khảo sát tình hình cũng như nhu cầu cấp thiết của việc phát triển ngành công nghiệp năng lượng tái tạo tại Việt Nam, đặc biệt là các khu vực ven biển, hải đảo, nhận thấy tiềm năng phát triển ngành chế tạo thiết bị trước mắt và trong tương lai vài chục năm tới là rất lớn. Để phát triển được ngành chế tạo thiết bị phục vụ ngành công nghiệp NLTT, Chính phủ, các bộ ban ngành cũng đã ban hành được một số các cơ chế chính sách, chiến lược và giải pháp phát triển ngành chế tạo thiết bị, nhưng về cơ bản nội dung được triển khai trong các văn bản đó chưa được toàn diện, còn khá mờ nhạt, thiếu và thậm chí đã cũ, nhiều điểm không phù hợp với thực tế mới, nên rất khó đáp ứng được hết và đầy đủ các yêu cầu mới đặt ra.

Như vậy, thực tế khách quan đòi hỏi Chính phủ, các bộ ban ngành liên quan cần phải có những cơ chế, chính sách mới, đi kèm

là các giải pháp phù hợp và trong khuôn khổ bài báo sẽ nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển ngành chế tạo thiết bị phục vụ ngành công nghiệp năng lượng tái tạo cho các khu vực ven biển, hải đảo Việt Nam giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. NỘI DUNG

2.1. Tình hình phát triển ngành công nghiệp NLTT sản xuất điện năng tại Việt Nam

Tại Việt Nam, với nhiều tiềm năng đa dạng và phong phú để có thể khai thác sản xuất điện năng từ các nguồn NLTT. Chính phủ và các bộ ban ngành liên quan đã ban hành nhiều văn bản liên quan để phát triển ngành công nghiệp sản xuất điện năng từ các nguồn NLTT, gần nhất là Dự thảo “Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045” [1] đã cho thấy quy hoạch phát triển nguồn điện NLTT và năng lượng mới: Tiếp tục phát triển các nguồn điện NLTT và năng lượng mới, gia tăng tỷ trọng điện năng sản xuất từ các nguồn NLTT; Tiếp tục triển khai các dự án điện gió, chất thải rắn, điện sinh khối, điện rác, các dạng năng lượng tái tạo khác.

Theo báo cáo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) [2], tính đến cuối năm 2022, tổng công suất nguồn điện toàn hệ thống đạt khoảng 77.800 MW, tăng ~1.400 MW so với năm 2021. Trong đó, tổng công suất các nguồn điện NLTT (điện gió, điện mặt trời) là 20.165 MW - chiếm tỷ trọng 26,4%, thủy điện (bao gồm thủy điện nhỏ) là 22.544 MW - chiếm tỷ trọng 29,0%. Quy mô hệ thống điện Việt Nam đứng đầu khu vực ASEAN.

Như vậy, tỷ trọng phát điện của NLTT không ngừng tăng cao với tốc độ rất nhanh trong cơ cấu phát điện của hệ thống điện Việt

Nam, trong giai đoạn 2010-2022, từ 27% vào năm 2010 lên hơn 48% vào năm 2022, đặc biệt với sự đóng góp rất lớn từ điện gió, mặt trời vào các năm 2019-2022. Cụ thể tổng hợp tình hình chung và được đánh giá như sau [1]:

- Tình hình phát triển điện mặt trời: Công suất nguồn điện mặt trời tính tới cuối năm 2020 đạt 15.400MW (đạt 22.2%), được đánh giá là cao hơn nhiều so với mục tiêu đề ra (hơn 8.700MW), tập trung chủ yếu ở khu vực miền Trung và miền Nam. Như vậy, cùng với các dạng NLTT khác, điện mặt trời đã phát triển mạnh trong những năm gần đây, từng bước góp phần giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính. Tuy nhiên, sự phát triển đó lại được đánh giá là phát triển nóng, vì tính đồng bộ trong phát triển nguồn và lưới điện còn hạn chế, không kịp giải tỏa công suất điện, tỷ trọng cao của nguồn điện mặt trời gây khó khăn trong công tác vận hành, điều độ.

- Tình hình phát triển điện điện gió: Tính tới cuối năm 2020 đạt 538MW (đạt 0.8% công suất), cùng với điện mặt trời, được đánh giá là phát triển mạnh trong mấy năm gần đây, cũng được đánh giá là có bước phát triển nóng, nên một mặt nào đó vẫn gây hiện tượng mất cân bằng, gây khó khăn trong công tác vận hành, điều độ. Tính đến thời điểm tháng 12/2022, điện gió trên bờ và ngoài khơi, công suất điện gió đang vận hành là 4.126MW, trong quy hoạch điện VIII [1] cũng ưu tiên phát triển mạnh nguồn điện này dự kiến năm 2030 công suất điện gió trên bờ đạt 21.480MW, điện gió ngoài khơi là 7.000MW.

- Thực trạng về điện rác: Trong bối cảnh điện gió, mặt trời gặp nhiều khó khăn do không còn cơ chế hỗ trợ giá mua điện, điện rác thải trong năm 2022 là một điểm sáng, đã có sự phát triển đáng kể với công suất phát điện tính

đến 11/2022 là khoảng 60 MW so với 7,5 MW của năm 2021.

+ Thực trạng về điện sinh khối: Điện sinh khối cũng được đẩy mạnh phát triển trong năm 2022, với công suất phát điện tính đến 11/2022 là khoảng 60 MW so với 7,5 MW của năm 2021, trong đó có thể kể đến các dự án được khởi công, hoàn thiện thủ tục đầu tư trong năm như: Điện sinh khối Hậu Giang 20 MW, điện sinh khối Trà Vinh 25 MW, cùng hàng loạt các dự án điện sinh khối khác được đề xuất xây dựng tại Quảng Bình, Yên Bái, Đắk Lắk, Thanh Hóa.

2.2. Tổng hợp nhu cầu phát triển ngành công nghiệp NLTT tại Việt Nam

a) Tổng hợp nhu cầu thực tế:

- Trong năm 2022, NLTT mặc dù các điều kiện ưu đãi về cơ chế mua điện FIT đều đã hết hiệu lực, nhưng vẫn tiếp tục phát triển. Ước tính đến hết tháng 12/2022, sản lượng điện phát của NLTT dự kiến đạt được 130 tỷ kWh, chiếm tỷ trọng gần 48% sản lượng điện phát của hệ thống điện Việt Nam.

- Theo [2], báo cáo của EVN tính đến năm 2022, tổng hợp nhu cầu thực tế sản lượng điện tiêu thụ của các dạng NLTT như sau:

+ Thủy điện: Đạt 95.054 triệu kWh;

+ NLTT đạt 34.757 triệu kWh, trong đó: Điện gió đạt 8.852 triệu kWh; điện mặt trời 25.526 triệu kWh; điện sinh khối 379 triệu kWh.

Kết luận: Như vậy, nhu cầu về ngành công nghiệp NLTT Việt Nam trước mắt đang rất cần thiết, chính vì nhu cầu sử dụng NLTT ngày một tăng cao, nên nhiều dự án năng lượng

tái tạo đã được hình thành và phát triển mạnh trong thời gian qua, nhất là tại các khu vực ven biển, hải đảo Việt Nam.

b) Tổng hợp nhu cầu trong tương lai:

Như đã nói, tỷ trọng công suất phát điện của NLTT không ngừng tăng cao, đặc biệt tập trung chủ yếu vào các khu vực ven biển, hải đảo Việt Nam. Trên cơ sở tính toán, đánh giá nhu cầu điện năng thực tế đã và đang sử dụng, đã tính toán và dự báo về nhu cầu sử dụng điện năng từ nguồn NLTT trong tương lai, đó cũng là mục tiêu quốc gia đặt ra cho sự phát triển ngành NLTT trong tương lai. Tổng hợp các dự báo nhu cầu sử dụng điện năng từ nguồn NLTT như sau:

Công suất cực đại ($P_{\max}$): Năm 2025 đạt khoảng 59.300-61.400MW; năm 2030 đạt khoảng 86.500-93.300MW; năm 2045 đạt khoảng 155.000-189.900MW; năm 2050 đạt 170.800 - 209.300MW, trong đó theo [5] các nguồn điện NLTT được dự báo như sau:

1) Trong trường hợp kịch bản phụ tải cơ sở:

+ Điện mặt trời tập trung đạt 8.736MW (7.2%) vào năm 2030, lên đến 100.651MW (27.3%) vào năm 2050.

+ Điện gió trên bờ 11.905MW (9.8%) vào năm 2030, lên đến 49.170MW (13.3%) vào năm 2050. Tới năm 2030 chưa phát triển điện gió ngoài khơi, nhưng sẽ đạt tới 46.000MW (12.5%) vào năm 2050.

+ Điện sinh khối, điện sản xuất từ rác, các loại hình năng lượng tái tạo khác đạt 1.230MW (1%) năm 2030, đạt 6.015MW (1.6%) vào năm 2050.

+ Thủy điện tích năng đạt 1.500MW (1.2%) vào năm 2030, lên 22.950MW (6.2%) vào năm 2050.

2) Trong trường hợp kịch bản phụ tải cao:

Điện gió trên bờ 13.925MW (10.3%) vào năm 2030, lên đến 66.050MW (13.3%) năm 2050. Điện gió ngoài khơi đạt 4.000MW (3%) năm 2030 và đạt 83.500MW (16.8%) vào năm 2050. Điện mặt trời và điện gió vẫn giữ nguyên biên độ so với phụ tải kịch bản cơ sở.

Như vậy, ta có thể thấy nhu cầu điện năng trước mắt và tương lai được dự báo là rất lớn, trong bối cảnh điện từ nguồn năng lượng hóa thạch đang dần bị hạn chế, thì nhu cầu cung cấp điện năng từ nguồn NLTT lại càng lớn, đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp năng lượng nói chung và trong sản xuất điện năng nói riêng.

2.3. Các giải pháp phát triển ngành chế tạo thiết bị phục vụ ngành công nghiệp năng lượng tái tạo

Để phát triển tốt ngành công nghiệp NLTT, hội nhập bền vững, rất cần thiết phải xây dựng một chiến lược cả trong ngắn hạn và dài hạn. Chiến lược trong ngắn hạn nhằm tăng tốc, bắt kịp với xu hướng phát triển công nghiệp NLTT trên thế giới (đến năm 2030), chiến lược dài hạn nhằm đảm bảo phát triển một nền công nghiệp NLTT bền vững đạt cả hai chỉ tiêu quan trọng là bảo vệ môi trường toàn cầu và có hiệu quả kinh tế cao đối với quốc gia (giai đoạn 2030 đến 2045). Một trong những định hướng quan trọng nhất trong chiến lược phát triển ngành NLTT là chiến lược phát triển ngành chế tạo thiết bị (hay ngành cơ khí chế tạo) trong nước phục vụ cho ngành NLTT.

Để phát triển được tốt ngành chế tạo thiết bị phục vụ cho lĩnh vực NLTT mới, Nhà nước cần phải có những cơ chế, chính sách mới, đi kèm là các giải pháp phù hợp.

Đề xuất một số giải pháp về cơ chế chính sách nhằm phát triển ngành chế tạo thiết bị phục vụ ngành công nghiệp NLTT trên cơ sở các giải pháp hiện hành còn thiếu hoặc không còn phù hợp nữa như sau:

1) Đề xuất giải pháp phát triển khoa học công nghệ (KH&CN)

Một số đề xuất về giải pháp phát triển KH&CN:

a - Giải pháp về cơ chế, chính sách, hệ thống quản lý khoa học công nghệ

- Cơ chế về tài chính: Với các dự án/ đề tài sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (NSNN) cần được xếp loại riêng để được hưởng các chính sách ưu đãi, trong thanh toán cần gỡ bỏ các hạn chế đang tồn tại lâu nay như cơ chế thanh toán chi phí thuê các chuyên gia nước ngoài tham gia thực hiện các nhiệm vụ.

- Cơ chế đấu thầu, tuyển chọn: Cần có cơ chế đặc thù trong quá trình tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ, đấu thầu mua sắm, đảm bảo được nhanh, gọn, bởi lĩnh vực NLTT là lĩnh vực.

- Cơ chế tự chủ trong hoạt động: Các dự án/ đề tài này cần có cơ chế giao quyền tự chủ cho doanh nghiệp trong việc sử dụng quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

- Cơ chế quản lý: Cần có cơ chế lập kế hoạch, đề xuất, phê duyệt, tuyển chọn các đề tài nhanh, linh hoạt đảm bảo tính cấp bách

của thực tiễn; cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng thiết bị cho ngành NLTT.

b - Giải pháp về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Xác định nhu cầu nhân lực của lĩnh vực NLTT ở ven biển và hải đảo Việt Nam, về số lượng, quy mô, chất lượng,... để có kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn phù hợp.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đào tạo ở các nước có trình độ KH&CN tiên tiến về NLTT cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý, kỹ thuật, khoa học và công nghệ.

- Phối hợp chặt chẽ công tác đào tạo - nghiên cứu - chuyển giao.

- Xây dựng cơ chế thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, các nhà khoa học giỏi ở trong và ngoài nước đóng góp cho sự phát triển lĩnh vực NLTT ở ven biển và hải đảo Việt Nam.

c - Giải pháp về đầu tư và tài chính

- Cần đầu tư có tính tập trung nguồn lực tài chính, đầu tư trọng điểm, có chiều sâu vào công tác nghiên cứu KH&CN tại các cơ sở như viện/ trường; vào công tác ứng dụng trong các doanh nghiệp. Đặc biệt tập trung cao độ vào hai lĩnh vực chính là điện gió và điện mặt trời, ngoài ra tiếp tục phát triển các nguồn NLTT khác.

- Sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích nguồn lực từ NSNN chỉ cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ưu tiên kinh phí lĩnh vực NLTT ở ven biển và hải đảo Việt Nam.



- Tăng cường việc hướng dẫn doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp có thu trong ngành Công Thương trích lập và sử dụng hiệu quả Quỹ phát triển KH&CN của tổ chức để đầu tư phát triển các phòng thí nghiệm và triển khai các chương trình, nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở; tham gia đối ứng một phần kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KHCN.

d - Giải pháp về hợp tác, hội nhập quốc tế

- Chủ động, tích cực triển khai các hoạt động xúc tiến, trao đổi, hội thảo, kết nối, ký kết, triển khai các dự án, chương trình hợp tác về KHCN và đổi mới sáng tạo với các tổ chức quốc tế, các quốc gia có trình độ công nghệ công nghiệp tiên tiến trong lĩnh vực NLTT ở ven biển và hải đảo Việt Nam để góp phần huy động nguồn lực, nâng cao trình độ nghiên cứu trong nước, thu hút chuyển giao công nghệ tiên tiến từ nước ngoài.

- Tăng cường phối hợp, liên kết giữa tổ chức KH&CN, doanh nghiệp ngành Công Thương với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trên thế giới để thực hiện một số nhiệm vụ nghiên cứu chung hướng tới giải quyết các vấn đề cấp bách, thực tiễn trong lĩnh vực năng lượng tái tạo ở ven biển và hải đảo Việt Nam.

- Phát huy hiệu quả hoạt động của mạng lưới đại diện thương vụ ở nước ngoài trong việc khai thông, khai thác các quan hệ hợp tác nghiên cứu, tìm kiếm, giải mã và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực năng lượng tái tạo ở ven biển và hải đảo Việt Nam.

e - Xây dựng chuỗi đề tài KH&CN trong lĩnh vực năng lượng tái tạo ở ven biển và hải đảo Việt Nam

Khuyến khích, động viên các doanh

nh nghiệp/ đơn vị tham gia thường xuyên các hoạt động KHCN các cấp trong lĩnh vực NLTT, Nhà nước cần xây dựng chuỗi đề tài KH&CN trong lĩnh vực năng lượng tái tạo ở ven biển và hải đảo Việt Nam để định hướng tốt cho các doanh nghiệp khi tham gia.

Thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN để đào tạo đội ngũ các nhà khoa học, công nghệ chuyên sâu về NLTT, từng bước làm chủ công nghệ NLTT, nội địa hóa từng phần thiết bị NLTT ở ven biển và hải đảo Việt Nam, đề xuất được chính sách phù hợp để phát triển NLTT ở ven biển và hải đảo Việt Nam.

Đặc biệt chú trọng phát triển các dự án điện NLTT là điện gió, điện mặt trời cho các khu vực duyên hải, ven biển và ngoài khơi Việt Nam.

f - Giải pháp về thông tin, truyền thông, hoạt động tôn vinh

a) Đẩy mạnh hoạt động thông tin, truyền thông dưới nhiều hình thức đa dạng để phổ biến rộng rãi, kịp thời các chủ trương, cơ chế, chính sách, văn bản hướng dẫn của Đảng, Chính phủ, các Bộ, ngành về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tăng cường cập nhật và phổ biến thông tin về nhu cầu đổi mới, cải tiến kỹ thuật, công nghệ của doanh nghiệp ngành Công Thương, các công nghệ mới trong nước và thế giới, các kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và mô hình ứng dụng thành công kết quả nghiên cứu trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

b) Tăng cường hoạt động tôn vinh, động viên, khen thưởng kịp thời, xứng đáng những nhà khoa học tài năng; công trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được áp dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả cao.

c) Nâng cao hiệu quả và đi vào thực chất phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật ở mọi lĩnh vực với sự tham gia của mọi đối tượng, đặc biệt là phong trào sáng tạo trong đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân tại doanh nghiệp sản xuất công nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia các giải thưởng về sở hữu trí tuệ, các cuộc thi sáng tạo; trong đó có cơ chế hỗ trợ, ưu tiên các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa.

2) Đề xuất giải pháp phát triển tiềm lực

Một số đề xuất về giải pháp phát triển tiềm lực:

a - Chính sách phát triển con người

- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực cho thị trường: Đầu tư đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu về lĩnh vực NLTT, đặc biệt là lĩnh vực điện gió, điện mặt trời.

- Cần tăng cường hợp tác địa phương và tuyên truyền giáo dục cộng đồng.

b - Chính sách đầu tư sản xuất, ứng dụng

- Có chính sách thúc đẩy phát triển ngành chế tạo, sản xuất thiết bị NLTT, đặc biệt là ngành điện gió và điện mặt trời.

- Tập trung đầu tư một số lĩnh vực ưu tiên và cơ sở hạ tầng (cảng biển, bến bãi, giao thông...) thuộc sở hữu nhà nước hoặc cho phép các doanh nghiệp tư nhân đầu tư.

c - Đổi mới trong cơ chế, chính sách hiện hành

- Có chính sách thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp chế tạo, sản xuất thiết bị NLTT.

- Cải cách hành chính: Các thủ tục phê duyệt, cấp phép và giám sát cũng cần được đơn giản hoá.

- Tiếp tục rà soát, xây dựng hoàn thiện các cơ chế, chính sách về phát triển ngành chế tạo thiết bị cho ngành NLTT.

d - Chính sách đổi mới trong quản lý

Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực phát triển ngành chế tạo thiết bị phục vụ phát triển chiến lược phát triển nguồn NLTT quốc gia. Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ thị trường và công nghệ. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền trong ngành chế tạo thiết bị và ngành NLTT.

e - Chính sách phát triển quan hệ hợp tác quốc tế

- Duy trì và tăng cường hợp tác quốc tế, hợp tác với các nước tiên tiến về KHCN trong lĩnh vực chế tạo thiết bị cho ngành NLTT, qua đó được đào tạo, chuyển giao công nghệ, nắm bắt được quy trình công nghệ từ thiết kế tới chế tạo lắp đặt vận hành, thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước sản xuất các thiết bị này.

- Tạo thuận lợi, khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam hợp tác với các đối tác nước ngoài có năng lực và kinh nghiệm đầu tư, phát triển các dự án về NLTT, đặc biệt về điện gió ngoài khơi, điện mặt trời ở Việt Nam.

3) Đề xuất về chính sách tài chính; ưu đãi thuế

Một số đề xuất về chính sách tài chính; ưu đãi thuế:

- Chính sách ưu đãi về vốn, phí; ưu đãi về hạ tầng thuê đất đai cho các doanh nghiệp

đầu tư vào lĩnh vực sản xuất thiết bị để phát triển ngành NLTT.

- Chính sách trợ giá đối với sản phẩm KHCN phục vụ cho ngành NLTT.

- Chính sách miễn, giảm thuế nhập khẩu thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ ngành chế tạo thiết bị phục vụ ngành NLTT.

- Chính sách thu hút vốn: Vốn vay từ các tổ chức tài chính nước ngoài; vốn kêu gọi đầu tư, đối ứng,...

Chính sách tài chính cần tập trung, rõ ràng: Chính sách tài chính phát triển NLTT hiện đang nằm rải rác ở rất nhiều văn bản với nội dung hỗ trợ khá tương đồng. Do đó, để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư chế tạo thiết bị phục vụ ngành NLTT trong quá trình rà soát và thụ hưởng các ưu đãi tài chính, thì cần phải có một chính sách tài chính cần tập trung, rõ ràng, khoa học hơn nữa.

4) Đề xuất giải pháp về thu hút đầu tư

Một số đề xuất về giải pháp thu hút đầu tư:

a - Giải pháp thu hút từ thị trường

Nhà nước cần có chính sách cụ thể về bảo hộ thị trường trong nước, giúp doanh nghiệp cơ khí tạo dựng và đứng vững trong việc chế tạo trong nước về thiết bị cho các nhà máy điện sử dụng NLTT.

b - Giải pháp về hỗ trợ chuyển giao công nghệ

Nhà nước cần có các giải pháp cụ thể trong công tác hỗ trợ chuyển giao công nghệ trong ngành NLTT.

c - Giải pháp hỗ trợ về vốn và thuế

Các doanh nghiệp cơ khí chế tạo phần lớn chưa làm chủ được nguồn vốn, đa phần thiếu hụt vốn, phải đi vay để đầu tư với lãi suất cao và bị ràng buộc bởi các điều kiện bất lợi của nhà tài trợ hay đối tác tài chính. Do đó, để giải quyết vấn đề khó khăn này, Nhà nước cần có cơ chế chính sách hỗ trợ về vốn vay dài hạn với lãi suất ưu đãi cho các doanh nghiệp thực hiện công tác gia công, chế tạo thiết bị cho ngành công nghiệp NLTT đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của dự án.

5) Đề xuất giải pháp về hợp tác quốc tế

Một số đề xuất về giải pháp về hợp tác quốc tế:

a - Hoàn thiện thể chế, chính sách:

+ Về đầu tư nước ngoài: Hoàn thiện, bổ sung những quy định về thủ tục, điều kiện đầu tư, về các hoạt động đầu tư, về danh mục địa bàn, lĩnh vực, đối tượng được áp dụng ưu đãi đầu tư trong các luật về đầu tư nước ngoài và các luật có liên quan.

+ Về thu hút đầu tư: Những cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư cho toàn ngành cơ khí chế tạo cần được đổi mới, bổ sung cho ngành chế tạo thiết bị phục vụ lĩnh vực công nghiệp NLTT mới. Xây dựng cơ chế khuyến khích tăng liên kết giữa đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước; cơ chế khuyến khích đối với các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả. Xây dựng thể chế, chính sách cạnh tranh quốc tế tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi thu hút các doanh nghiệp đầu tư quốc tế.

b - Xây dựng lộ trình hợp tác quốc tế:

Xây dựng nên được lộ trình hợp tác trong việc nghiên cứu, đào tạo ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực chế tạo thiết bị trong nước cho ngành NLTT.

c - Mở rộng, đa dạng hóa hợp tác:

Mở rộng, đa dạng hóa để xây dựng, phát triển công nghiệp chế tạo thiết bị phục vụ lĩnh vực NLTT. Coi trọng hợp tác song phương và đa phương, củng cố mối quan hệ hợp tác với các đối tác truyền thống; mở rộng hợp tác với các đối tác chiến lược, có thế mạnh về khoa học, công nghệ.

d - Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế:

Khuyến khích đối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đào tạo, nâng cao kỹ năng, trình độ cho lao động Việt Nam. Chú trọng hợp tác đào tạo, đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia đầu ngành khoa học, công nghệ; chuyên gia công nghệ, kỹ sư trong các lĩnh vực trọng điểm, như: cơ khí chế tạo, vật liệu mới, luyện kim; gia công áp lực,... nhằm từng bước chế tạo, sản xuất thành công trang bị kỹ thuật đáp ứng yêu cầu. Bên cạnh đó cần thúc đẩy chuyển giao công nghệ mạnh mẽ trong ngành chế tạo thiết bị phục vụ lĩnh vực công nghiệp NLTT.

e - Chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài

Việc thu hút nguồn vốn FDI vào lĩnh vực cơ khí, cơ khí chế tạo nói chung trong nhiều năm qua đã đạt được những kết nhất định, tuy nhiên lĩnh vực NLTT còn mới, nên các ngành công nghiệp phụ trợ, công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ cho ngành này nói riêng là mới bắt đầu, nên cần phải có ngay các chính sách cụ thể, mang tính đặc thù riêng để thu hút vốn đầu

tư nước ngoài cho ngành công nghiệp chế tạo thiết bị phục vụ cho lĩnh vực NLTT.

f - Tiêu chuẩn đánh giá, hợp tác:

Cần phải xây dựng nên các tiêu chuẩn, quy chuẩn mới cho ngành chế tạo thiết bị phục vụ ngành công nghiệp NLTT, song song cần nâng cao các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành để phù hợp với tiêu chuẩn của khu vực và thế giới.

3. KẾT LUẬN

- Nhu cầu về điện năng đang ngày càng tăng cao, trong khi phương thức sản xuất điện truyền thống từ nguồn nhiên liệu hóa thạch (than, dầu) đang ngày càng bị hạn chế, nên việc sản xuất điện năng từ nguồn NLTT được dự báo sẽ dần trở thành phương thức sản xuất điện chính, nhất là từ điện mặt trời và điện gió. Hai phương thức sản xuất điện năng này tập trung chủ yếu tại các vùng ven biển, hải đảo Việt Nam, nên việc phát triển NLTT sẽ góp phần phát triển kinh tế vùng biển đảo Việt Nam trong giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nhu cầu phát triển ngành công nghiệp sản xuất điện năng từ NLTT là rất lớn. Theo các báo cáo chuyên ngành cập nhật thường xuyên, tình hình phát triển ngành công nghiệp NLTT là rất khả quan, tỷ trọng phát điện của NLTT không ngừng tăng cao với tốc độ rất nhanh trong cơ cấu phát điện của hệ thống điện Việt Nam.

- Để phát triển tốt ngành công nghiệp NLTT, hội nhập bền vững, đạt các chỉ tiêu quan trọng là bảo vệ môi trường toàn cầu và có hiệu quả kinh tế cao đối với quốc gia, rất cần phát triển những ngành công nghiệp phụ trợ, chế

biến chế tạo, một trong những định hướng quan trọng là chiến lược phát triển ngành chế tạo thiết bị trong nước phục vụ cho ngành NLTT.

- Để phát triển được tốt ngành chế tạo thiết bị phục vụ cho lĩnh vực NLTT mới, Nhà nước cần phải có những cơ chế, chính sách mới, đi kèm là các giải pháp phù hợp. Một số đề xuất về giải pháp phát triển ngành chế tạo thiết bị phục vụ ngành công nghiệp NLTT đã được đưa ra, các giải pháp dựa trên các văn bản pháp lý đã ban hành và trên cơ sở sửa đổi, bổ sung các văn bản đã cũ thiếu tính hiệu lực. ❖

Ngày nhận bài: **15/11/2024**

Ngày phản biện: **06/12/2024**

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Báo cáo số 1562/BC-VPCP, ngày 13/3/2022, về việc quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII).
- [2]. <https://cosodulieu.evn.com.vn/pages/cms/news-tap-doan-dien-luc-viet-nam-nam-2022--thu-thach-huong-phat-trien-id-6448.html>
- [3]. Theo Tờ trình số 8129/TTr-BCT, ngày 16/12/2022, về việc phê duyệt Đề án quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- [4]. Quyết định số 428/QĐ-TTg, ngày 18/3/2016 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030.
- [5]. Quyết định số 500/QĐ-TTg, ngày 15/5/2023, về việc phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- [6]. <http://vpdf.org.vn/tin-tuc-su-kien/moi-truong-sinh-thai/nang-luong-tai-tao-viet-nam-nam-2022-cac-su-kien-thanh-tuu-va-nhan-dien-thach-thuc.html>
- [7]. Tờ trình Số 4778/TTr-BCT, Ngày 11/8/2022 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt đề án quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- [8]. Quyết định số Số: 37/2011/QĐ-TTg, Ngày 29/6/2011, về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam.
- [9]. Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- [10]. <https://manfusi.com/cac-nha-may-dien-mat-troi-lon-o-viet-nam-2/>